

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/ WWV/ 2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH WANT WANT VIETNAM**

Địa chỉ: Lô 23B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Điện thoại: 1800.888.911 Fax:

Email: wantwantvn2022@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 1201588425

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc diện cấp giấy

Giấy chứng nhận HACCP số 9199293412106-HACCP cấp ngày 26/09/2023 do công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT cấp

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC GIẢI KHÁT WANT WANT FROZEN HƯƠNG CAM

2. Thành phần: Nước, Đường, Xi rô đường fructose, Bột sữa tách béo, Hỗn hợp chất làm dày và chất điều chỉnh độ axit (Chất làm dày (466, 410, 415), Chất điều chỉnh độ axit (330, 331 (iii)), Glucose), Chất điều chỉnh độ axit (330), Hương liệu nhân tạo dùng trong thực phẩm (hương cam), Chất điều chỉnh độ axit (331 (iii)), Chất bảo quản (202), Màu thực phẩm nhân tạo (102, 124).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 tháng kể từ ngày sản xuất

NSX xem trên bao bì (ngày/tháng/năm).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm đóng trong hộp nhựa bên trong LDPE, có thêm 1 túi nhựa OPP20/PP25 để in nhãn, có thêm 1 lớp nhựa OPPH30 để cố định và bên ngoài hộp giấy đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- **Thể tích thực:** 78 ml

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Theo bản quyền thương hiệu của I Lan Foods Industrial Co., Ltd., Đài Loan

Phân phối tại:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI WANT WANT VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 2, số 506, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 04, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất tại VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH WANT WANT VIETNAM

Địa chỉ: Lô 23B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

6. Thông tin dị ứng:

Sản phẩm có chứa sữa

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Xem bản đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

+ QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

+ QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

+ QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

+ Thông tư số 24/2019/TT-BYT của Bộ Y Tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.



1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	E.coli	CFU/ml	Không được có
4	S.aureus	CFU/ml	Không được có
5	Streptococci faecal	CFU/ml	Không được có
6	Pseudomonas aeruginosa	CFU/ml	Không được có
7	Cl. Perfringens	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số bào tử nấm mốc - nấm men	CFU/ml	10

2. Hàm lượng kim loại nặng:

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Pb	mg/L	0,05

3. Chỉ tiêu độc tố vi nấm

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/L	0,5

4. Chỉ tiêu khác

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamin	mg/L	2,5



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tiền Giang, Ngày 18 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



(Ký tên, đóng dấu)

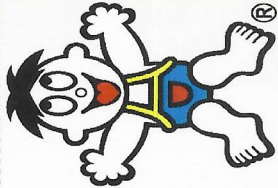
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Chen Han Hua



VIỆT NƯỚC GIẢI KHÁT WANT WANT FROZEN HƯƠNG CAM

Thành phần: Nước, Đường, Xi rô đường fructose, Bột sữa tách béo, Hỗn hợp chất làm dày và chất điều chỉnh độ axit (Chất làm dày (466, 410, 399), Chất điều chỉnh độ axit (330, 331 (III), Glucose), Chất điều chỉnh độ axit (330), Hương liệu nhân tạo dùng trong thực phẩm hương cam), Chất điều chỉnh độ axit (331 (III), Chất bảo quản (202), Màu thực phẩm nhân tạo (02, 724), Natri-sun-phát), Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng: 15 Tháng kể từ ngày sản xuất.



▲ Mè & dẻ

WANT~WANT

NƯỚC GIẢI KHÁT, LÀM ĐÔNG LẠNH, ẨM NHƯ NEM

Không chất béo chuyển hoá

Theo bản quyền hương liệu của
LAN FOOD INDUSTRIAL CO., LTD. ĐÀI LOAN
Phần phối tại:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI WANT WANT VIỆT NAM
Tầng 2, số 506 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 04,
Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH WANT WANT VIỆT NAM
Lô 238, 254, 294, 30 Khu công nghiệp Long Giang,
Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.
www.want-want.com
www.want-want.vn

Số TCB: 05/WWW/ 2024

Chung tay bảo vệ môi trường

Thể tích thực: 78 ml
Hình ảnh minh họa



Orange Flavor

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)	
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100ml
Năng lượng (Energy)	76 kcal
Chất đạm (Protein)	0,3 g
Chất béo (Fat)	0,3 g
Đường tổng số (Total Sugars)	18,5 g
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	0 g
Natri (Sodium)	0 g

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa sữa.
Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Hương dẫn sử dụng:
- Làm đông, ăn như kem.
- Dùng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.
- Sản phẩm có thể lỏng một ít, điều này là bình thường, bạn có thể yên tâm sử dụng.



HOTLINE
1800.888.911

257101420010266V0324

10mm

77mm

10mm

12.5mm

285mm

12.5mm

NƯỚC GIẢI KHÁT WANT WANT FROZEN HƯƠNG CAM

Thành phần: Nước, Đường, Xi rô đường fructose, Bột sữa tách béo, Hỗn hợp chất làm dày và chất điều chỉnh độ axit (Chất làm dày (466, 410, 415), Chất điều chỉnh độ axit (330, 331 (III), Glucose), Chất điều chỉnh độ axit (330), Hương liệu nhân tạo dùng trong thực phẩm hương cam), Chất điều chỉnh độ axit (331 (III), Chất bảo quản (202), Màu thực phẩm nhân tạo (02, 724).

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng: 15 Tháng kể từ ngày sản xuất.

Theo bản quyền hương liệu của
LAN FOOD INDUSTRIAL CO., LTD. ĐÀI LOAN
Phần phối tại:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI WANT WANT VIỆT NAM
Tầng 2, số 506, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 04,
Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH WANT WANT VIỆT NAM
Lô 238, 254, 294, 30 Khu công nghiệp Long Giang,
Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.
www.want-want.com
www.want-want.vn

Số TCB: 05/WWW/ 2024

Chung tay bảo vệ môi trường

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)	
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100ml
Năng lượng (Energy)	76 kcal
Chất đạm (Protein)	0,3 g
Chất béo (Fat)	0,3 g
Đường tổng số (Total Sugars)	18,5 g
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	0 g
Natri (Sodium)	0 g

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa sữa.
Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Hương dẫn sử dụng:

- Làm đông, ăn như kem.
- Dùng trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.
- Sản phẩm có thể lỏng một ít, điều này là bình thường, bạn có thể yên tâm sử dụng.



Tên khách hàng/ Customer	CÔNG TY TNHH WANT WANT VIETNAM		
Địa chỉ/ Address	Lô 23B, 25A, 29A, 30 KCN Long Giang, Tân Lập 1, Tân Phước, Tiền Giang		
Ngày nhận mẫu/	12/04/2024	Ngày trả kết quả/	17/04/2024
Date of receiving	April 12 th , 2024	Date of issuance	April 17 th , 2024
Ngày thực hiện/	12/04/2024		
Testing date	April 12 th , 2024		
Tên mẫu/ Name of sample	NƯỚC GIẢI KHÁT WANT WANT FROZEN HƯƠNG CAM		
Tình trạng mẫu/ State of sample	Mẫu đựng trong chai nhựa/ Samples in plastic bottles.		
Ghi chú/ Note	Không có/ NA.		

Kết quả thử nghiệm được trình bày ở trang sau/ Testing results are reported in next pages.

<p>TRƯỜNG PHÒNG HEAD OF LAB</p>  <p>Nguyễn Thị Nhật Hiếu</p>	<p>GIÁM ĐỐC DIRECTOR</p>  <p>Hoàng Tường Vi</p>
---	--

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time-limit of storage: 7 days from the reporting date.



BÁO CÁO THỬ NGHIỆM TEST REPORT



Số/ No: VLAB0-240412-009/2

Trang/ Page: 2/3

KẾT QUẢ RESULT

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	LOQ	KẾT QUẢ RESULT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí tại 30°C Total plate count at 30°C	CFU/mL	TCVN 4884-1: 2015 ^(a) (ISO 4833-1: 2013)	-	<1
2	Coliforms	CFU/mL	TCVN 6848:2007 ^(a) (ISO 4832:2007)	-	<1
3	Escherichia coli	CFU/mL	TCVN 7924-2:2008 ^(a) (ISO 16649-2:2001)	-	<1
4	Staphylococcus aureus	CFU/mL	TCVN 4830-1:2005 ^(a) (ISO 6888:1999 Amd 1:2003)	-	<1
5	Clostridium perfringens	CFU/mL	TCVN 4991:2005 ^(a) (ISO 7937:2004)	-	<1
6	Tổng số nấm men và nấm mốc Total yeast and mold	CFU/mL	TCVN 8275-1:2010 ^(a) (ISO 21527-1:2008)	-	<1
7	Streptococci fecal	CFU/mL	NMKL.No68	-	<1
8	Pseudomonas aeruginosa	CFU/mL	TCVN 8881:2011 ^(a) (ISO 16266:2006)	-	<1
9	Hàm lượng protein Protein content	g/100mL	TCVN 10034:2013 ^(a)	-	0,47
10	Hàm lượng Béo tổng Total fat content	g/100mL	VLAB-CH-TP-106:2021 ^(a)	0,3	KPH/ND
11	Hàm lượng Cacbonhydrat (Không bao gồm xơ) Carbohydrate content	g/100mL	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	-	18,9
12	Hàm lượng đường tổng Total sugar content	g/100mL	TCVN 4594:1988	-	18,0
13	Năng lượng Calories	Kcal/100mL	FAO, food and Nutrition P77 2003	-	77,5
14	Hàm lượng Chì (Pb) Lead content	mg/L	AOAC 999.11 ^(a)	0,01	KPH/ND
15	Hàm lượng Natri (Na) Sodium content	mg/100mL	VLAB-CH-TP-204: 2021 ^(a) (Ref:AOAC 969.23)	-	74,1
16	Béo bão hòa Saturated fat	g/100mL	VLAB-CH-TP-628:2022 ^(a)	0,01	KPH/ND

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time-limit of storage: 7 days from the reporting date.

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	LOQ	KẾT QUẢ RESULT
17	Béo chuyển hóa <i>Trans fat</i>	g/100mL	VLAB-CH-TP-628:2022 ^(a)	0,01	KPH/ND
18	Hàm lượng Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1 content</i>	µg/L	VLAB-CH-TP-591:2021 ^(a)	0,05	KPH/ND
19	Hàm lượng Melamine <i>Melamine content</i>	µg/L	VLAB-CH-TP-664:2022 ^(a)	50	KPH/ND

Ghi chú: (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận. (ISO/IEC 17025), (s): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ, , LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, (*): Chỉ tiêu được chỉ định (a): Items are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025), (s): Items are tested by subcontractor, (s'): Items are tested by appointed subcontractor LOD: Limit of detection, LOQ: Limit of quantitation, (*): Items are appointed, KPH/ND: Không phát hiện/Not detected.



VietLabs
Your Trusted Partner

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 7 days from the reporting date.



VietLabs
Your Trusted Partner